

Nhập đủ thông tin vào mẫu kê khai này để trình duyệt
[Signature]

CỤC HẬU CẦN - KỸ THUẬT
BỆNH VIỆN QUÂN Y 110

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~344~~ A/BV-TB

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 6 năm 2025

V/v mời báo giá VTYT, hóa chất,
sinh phẩm y tế.

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Quân y 110/Cục Hậu cần – Kỹ thuật/Quân khu 1 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá 02 gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho 02 gói thầu gồm:

1. Gói thầu mua sắm vật tư y tế năm 2025 - 2026;
2. Gói thầu mua sắm hóa chất, sinh phẩm y tế năm 2025 - 2026;

Với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Quân y 110

Địa chỉ: Số 5 đường Trần Lưu, phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Mr. Trịnh Tuấn Mạnh, CNK Trang bị, Bệnh viện Quân y 110.

- SĐT: 0912739198

- Địa chỉ mail. dsmanhtb91@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Bản giấy gửi về Mr. Trịnh Tuấn Mạnh, CNK Trang bị, Bệnh viện Quân y 110, phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh

- File mềm gửi vào email: dsmanhtb91@gmail.com

4. Thời gian tiếp nhận báo giá từ: 8h ngày 18 tháng 6 năm 2025 đến trước 17h ngày 27 tháng 6 năm 2025.

Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 17 tháng 6 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hóa chất, vật tư gồm

1.1. Danh mục vật tư y tế của Bệnh viện Quân y 110 năm 2025 - 2026 (Chi tiết theo phụ lục 2 kèm theo);

1.2. Danh mục Hóa chất, sinh phẩm y tế của Bệnh viện Quân y 110 năm 2025 - 2026 (Chi tiết theo phụ lục 1 kèm theo);

2. Địa điểm cung cấp hóa chất, vật tư y tế: Tại các kho của Khoa Trang bị, Bệnh viện Quân y 110, phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến là 18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Giao hàng làm nhiều lần theo dự trù của Bệnh viện.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng;

- Tạm ứng: Không áp dụng

- Thanh toán: Thanh toán làm nhiều lần trên cơ sở hóa đơn, biên bản bàn giao, nghiệm thu của từng lần giao, nhận hàng.

5. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi báo giá theo mẫu đính kèm.

Bệnh viện Quân y 110 mời đại diện các nhà sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam tham gia báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNTT;
- Lưu: TB. M03.



Đại tá Đỗ Danh Thắng

Phụ lục II
MẪU BÁO GIÁ
 (Kèm theo Công văn số /BV-TB ngày 17/6/2025 của Bệnh viện Quân y 110)

BÁO GIÁ
 Kính gửi: Bệnh viện Quân y 110

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Quân y 110, chúng tôi ... (Ghi tên địa chỉ, của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ, của các thành viên liên danh, báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

Số TT	Số TT yêu cầu báo giá	Danh mục thiết bị y tế	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Ký mã, nhãn hiệu, moden	Phân loại TTBYT	Đơn vị tính	Qui cách đóng gói	Mã HS	Năm sản xuất	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá	Chi phí cho các dịch vụ liên quan	Thuế phí, lệ phí	Thành tiền (VNĐ)
1	Danh mục A															
2	Danh mục B															
n																

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)



2. Bảo giá này có hiệu lực trong vòng.....kể từ ngày..tháng,....năm... (Ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày).....kể từ ngàythángnăm...(Ghi ngàytháng..năm.....kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I- Yêu cầu báo giá)

3. Chúng tôi cam kết.....

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc hợp mại khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm qui định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

Ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

Ký tên, đóng dấu

Ghi chú:

1. Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo mẫu này
2. Hãng sản xuất nhà cung cấp ghi chứng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong yêu cầu báo giá.
3. Hãng sản xuất nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chứng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế"
4. Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế



PHỤ LỤC I

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ DỰ KIẾN SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN QUẬN Y 110 NĂM 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 344A /BV-TB ngày 17/6/2025 của Bệnh viện Quận y 110)

TT	Nhóm, loại vật tư y tế	Đvt	Số lượng
1	Bông y tế thấm nước	kg	500
2	Bông y tế không thấm nước	kg	200
3	Tăm bông y tế vô trùng	que	200
4	Dung dịch rửa tay sát khuẩn	lít	200
5	Dung dịch khử trùng dụng cụ	lít	500
6	Dung dịch khử trùng dụng cụ	lít	500
7	Dung dịch sát khuẩn dụng cụ	lít	500
8	Dung dịch khử trùng mức độ cao dụng cụ y tế	kg	100
9	Dung dịch rửa và khử trùng quả lọc thận nhân tạo	lít	200
10	Dung dịch tẩy protein dùng cho dụng cụ y tế	lít	50
11	Dung dịch đánh tan gỉ	lít	100
12	Băng bột bó	cuộn	300
13	Băng chun 2 móc	cuộn	300
14	Băng chun 3 móc	cuộn	10.000
15	Dây Garo không có khóa	cái	1.000
16	Dây Garo có khóa	cái	1.000
17	Băng cuộn xô 7cm	cuộn	60.000
18	Băng cuộn xô 10cm	cuộn	30.000
19	Băng keo lụa 10cm x 4,5m	cuộn	1.000
20	Băng dán mi 7cm x 6cm	miếng	100
21	Băng dính 2,5cm x 5m	cuộn	50.000
22	Băng dính 5,0cm x 5m	cuộn	5.000
23	Băng dính cá nhân 2,0cm x 6,0cm	miếng	1.000
24	Gạc hút 0,8m	mét	100.000
25	Gạc vô trùng 8 lớp	gói	30.000

26	Băng dán vô trùng trong suốt có gạc 10 x 25cm	cái	1.000
27	Gạc mỡ chống dính kháng khuẩn 10x10cm	cái	2.000
28	Miếng dán vô trùng 28x30cm	cái	2.000
29	Miếng cầm máu mũi	miếng	
30	Sáp cầm máu xương	miếng	1.000
31	Vật liệu cầm máu sinh học	miếng	500
32	Bom cho ăn 50ml	cái	15.000
33	Bom tiêm 50ml (đầu to&nhỏ) không kèm kim	cái	20.000
34	Bom tiêm thuốc cân quang 2 nòng	bộ	500
35	Bom tiêm đầu xoay	cái	500
36	Bom tiêm truyền dịch tự động không PCA	cái	1.000
37	Bom tiêm truyền dịch tự động có PCA	cái	1.000
38	Bom truyền tự động không PCA	cái	1.000
39	Bom truyền tự động có PCA	cái	1.000
40	Bom tiêm truyền áp lực	cái	200
41	Bom tiêm Insulin 1ml	cái	200.000
42	Bom tiêm liên kim 1ml	cái	50.000
43	Bom tiêm liên kim 5ml	cái	700.000
44	Bom tiêm liên kim 10ml	cái	400.000
45	Bom tiêm liên kim 20ml	cái	100.000
46	Kim cánh bướm	cái	10.000
47	Kim chích máu	cái	100.000
48	Kim chích máu thủ đường huyết	cái	200.000
49	Kim lấy thuốc	cái	700.000
50	Kim luồn tĩnh mạch (không kèm băng dính)	cái	50.000
51	Kim luồn tĩnh mạch (kèm băng dính)	cái	120.000
52	Kim tiêm cầm máu dạ dày, đại tràng	cái	100
53	Kim chích xo, cầm máu nội soi, sử dụng 1 lần	cái	100

54	Nút chặn đuôi kim luôn và kim luôn tĩnh mạch	cái	150.000
55	Kim chọc mạch quay, đùi	cái	200
56	Kim gây tê tủy sống (chọc dò) các cỡ	cái	5.000
57	Kim gây tê nha khoa	cái	20.000
58	Kim chạy thận nhân tạo	cái	35.000
59	Kim sinh thiết gan	cái	50
60	Kim sinh thiết màng phổi	cái	50
61	Ổng thông đốt sống cao tần điều trị Suy tĩnh mạch	bộ	100
62	Kim châm cứu sử dụng 1 lần	cái	600.000
63	Dây truyền dịch	bộ	400.000
64	Dây truyền dịch có ống điều chỉnh giọt chính xác	bộ	1.000
65	Dây truyền hóa chất ung thư có màng lọc hóa chất	bộ	2.000
66	Khóa 3 chạc kèm dây dẫn	bộ	20.000
67	Găng tay cao su y tế có bột các cỡ	đôi	500.000
68	Găng tay cao su y tế không bột các cỡ	đôi	4.000
69	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các cỡ	đôi	200.000
70	Túi đựng nước tiểu 2.000ml	cái	30.000
71	Lọ đựng mẫu	cái	20.000
72	Ổng nghiệm chống đông EDTA nắp nhựa cứng	cái	200.000
73	Ổng nghiệm chống đông EDTA nắp cao su mềm	cái	200.000
74	Ổng nghiệm chống đông Heparin	cái	200.000
75	Ổng nghiệm chống đông Natri citrat	cái	20.000
76	Ổng nghiệm Serum có nắp và nhãn màu đỏ, loại 5ml	cái	100.000
77	Ổng nghiệm nhựa không nắp, loại 5ml	cái	40.000
78	Ổng nghiệm nhựa có nắp, loại 10ml (đựng mẫu nước tiểu)	cái	200.000
79	Ổng ly tâm nhựa kiểu Eppendorf 0,5ml	cái	30.000
80	Ổng ly tâm nhựa kiểu Eppendorf 1,5ml	cái	30.000
81	Canuyn mayo (nhựa)	cái	1.000
82	Ổng mó khí quản 2 nòng có bóng, có cửa số 2	cái	2.000
83	Ổng mó khí quản 2 nòng có bóng, không cửa số 1	cái	500

84	Ổng mở khí quản 2 nòng không bóng, có cửa số 1	cái	500
85	Ổng mở khí quản 2 nòng không bóng, có cửa số 2	cái	500
86	Ổng nội khí quản 2 nòng phổi phải/trái các cỡ	bộ	200
87	Ổng nội khí quản 2 nòng phổi phải/trái các cỡ	bộ	50
88	Ổng nội khí có bóng các cỡ	bộ	2.000
89	Ổng nội khí lò xo có bóng các cỡ	bộ	500
90	Ổng nội khí quản có dây hút đàm trên bóng các cỡ	bộ	100
91	Ổng nội khí quản có cuff, bóng chèn, dùng cho phẫu thuật laser các cỡ	bộ	200
92	Thông hậu môn các cỡ	cái	500
93	Sonde Foley 2 nhánh các số	cái	10.000
94	Sonde Foley 3 nhánh các số	cái	3.000
95	Sonde niệu quản 1		1.000
96	Sonde niệu quản 2		1.000
97	Ổng thông Dạ dày các cỡ	cái	10.000
98	Ổng dẫn lưu màng phổi có co lồi đi kèm các cỡ	cái	500
99	Ổng dẫn lưu màng phổi có Trocar đi kèm các cỡ	cái	500
100	Bộ đặt dẫn lưu khí màng phổi (bao gồm: Kim chọc, ống nông, ống dẫn lưu,...)	bộ	200
101	Bộ dẫn lưu chủ động dịch khoang màng phổi (gồm bộ đặt ống dẫn lưu, dây dẫn lưu, bộ băng bó cố định)	bộ	200
102	Ổng dẫn lưu Kehr các loại, các cỡ		100
103	Ổng dẫn lưu Kehr đường mặt	cái	500
104	Dây hút dịch (nhót)	cái	10.000
105	Dây hút dịch phẫu thuật 2m	cái	4.000
106	Bộ dây hút đờm kín (cỡ từ 12-16)	cái	200
107	Dây thở ô-xy 2 nhánh	bộ	15.000
108	Ổng nối dây máy thở (Sâu máy thở)	cái	500
109	Bộ phận kết nối 1	bộ	100

110	Bộ phận kết nối 2	cái	100
111	Bộ phận kết nối 3	cái	100
112	Bộ phận phổi dùng trong can thiệp tim mạch	cái	100
113	Van cầm máu chữ Y	cái	200
114	Bộ dây máy thở dùng 1 lần	cái	500
115	Catheter TMTT 1 nòng	cái	1.000
116	Catheter TMTT 2 nòng	cái	1.000
117	Catheter chạy thận nhân tạo 2 nòng	cái	1.000
118	Catheter TMTT 3 nòng	cái	100
119	Catheter trợ giúp can thiệp đầu mềm	cái	10
120	Catheter chụp chẩn đoán tim và mạch vành loại mềm mại dễ lái	cái	50
121	Ổng thông(Catheter) các loại	cái	200
122	Catheter chụp chẩn đoán tim và mạch vành bên trái (JL), bên phải (JR)		
123	Ổng thông chụp động mạch vành trái, phải	cái	100
124	Ổng thông chụp động mạch vành 2 bên	cái	100
125	Ổng thông niệu quản Polyurethan	cái	500
126	Dây dẫn đường ái nước	cái	100
127	Catheter đường hầm có CUFF để lọc máu	Bộ	100
128	Quả lọc máu dùng cho chạy thận nhân tạo HD	Bộ	800
129	Bộ dây chạy thận nhân tạo dùng cho HDF-Online NS-2060-18	Bộ	800
130	Bộ dây máu dùng trong lọc máu nhân tạo Nipro Blood tubing set NS-2060 18SUB	Bộ	800
131	Ổng thông trợ giúp can thiệp động mạch vành kỹ thuật đan lưới	cái	50
132	Ổng thông trợ giúp can thiệp mạch vành lòng rộng, hỗ trợ thụ động với lớp phủ ái nước chọn lọc và dầu vào mềm mại	cái	100
133	Ổng thông dẫn đường can thiệp các loại	cái	100
134	Dây dẫn đường (dạng mềm) phẫu thuật tiết niệu	cái	100
135	Dây dẫn đường siêu mềm	cái	100

136	Vi ống thông can thiệp CTO, phủ ái nước hydrophilic với cấu trúc lõi lớp bên kép thép không gỉ SUS, điểm đánh dấu bằng vàng 0.7mm	cái	20
137	Vi ống thông can thiệp truyền tắc nút mạch và chụp mạch kèm dây dẫn	cái	20
138	Vi ống thông sử dụng trong can thiệp mạch thần kinh	cái	20
139	Vi ống thông dẫn đường cho can thiệp mạch vành và ngoại biên, thiết kế thuận dần	cái	20
140	Vi ống thông can thiệp siêu nhỏ có 2 nòng chuyên dụng cho CTO và mạch nhánh	cái	10
141	Kim khâu da, cơ		
142	Chỉ khâu mắt số 9, 10	cái	1.000
143	Chỉ nylon không tiêu sợi đơn số 2/0 kim tam giác	sợi	100
144	Chỉ nylon không tiêu sợi đơn số 3/0 kim tam giác	sợi	1.000
145	Chỉ nylon không tiêu sợi đơn số 4/0 kim tam giác	sợi	1.000
146	Chỉ nylon không tiêu sợi đơn số 5/0 kim tam giác	sợi	500
147	Chỉ nylon không tiêu sợi đơn số 6/0 kim tam giác	sợi	200
148	Chỉ nylon không tiêu sợi đơn số 10/0 kim hình thang	sợi	100
149	Chỉ nylon không tiêu sợi đơn số 10-0 (khâu mắt)	sợi	200
150	Chỉ Polypropylene không tiêu sợi đơn số 2/0 kim tròn	sợi	500
151	Chỉ Polypropylene không tiêu sợi đơn số 3/0 kim tròn	sợi	500
152	Chỉ Polypropylene không tiêu sợi đơn số 4/0 kim tròn	sợi	500
153	Chỉ Polypropylene không tiêu sợi đơn số 5/0 kim tròn	sợi	200
154	Chỉ Polypropylene không tiêu sợi đơn số 6/0 kim tròn		200
155	Chỉ Polydioxanone sợi đơn số 2/0 kim tròn	sợi	1.000
156	Chỉ Polydioxanone sợi đơn số 3/0 kim tròn	sợi	1.000
157	Chỉ Polydioxanone sợi đơn số 4/0 kim tròn	sợi	1.000
158	Chỉ Polydioxanone sợi đơn số 5/0 kim tròn	sợi	1.000
159	Chỉ Polydioxanone sợi đơn số 6/0 kim tròn	sợi	500
160	Chỉ thép, cuộn 5m	cuộn	500
161	Chỉ Polyglactin sợi bên số 1/0 kim tròn	sợi	500

162	Chỉ Polyglactin sợi bền số 2/0 kim tròn		sợi	500
163	Chỉ Polyglactin sợi bền số 3/0 kim tròn		sợi	500
164	Chỉ Polyglactin sợi bền số 4/0 kim tròn		sợi	500
165	Chỉ Polyglactin sợi bền số 5/0 kim tròn		sợi	500
166	Dao cắt cơ vòng dạng xoay		cái	50
167	Dao cắt cơ vòng dạng kim		cái	50
168	Dao mổ mắt chính Phaco, 2.8mm - 3.0mm		cái	200
169	Dao mổ mắt 15 độ, 30 độ		cái	200
170	Tay dao cắt hàn mạch dùng trong phẫu thuật mổ mở dài 21 cm (tương thích với máy Valleylab FT10 của bệnh viện)		cái	30
171	Tay dao cắt hàn mạch dùng trong phẫu thuật mổ mở dài 23 cm(tương thích với máy Valleylab FT10 của bệnh viện)		cái	30
172	Tay dao cắt hàn mạch dùng trong phẫu thuật nội soi, dài 37cm(tương thích với máy Valleylab FT10 của bệnh viện)		cái	30
173	Lưỡi cắt đốt VA và Amidan dùng cho dao mổ Plasma		cái	50
174	Dao cắt đốt dưới niêm mạc đầu cách điện (Dao IT knife)		cái	50
175	Dao cắt đốt dưới niêm mạc loại móc đốt, chiều dài làm việc 1950- 2300mm		cái	50
176	Dao cắt đốt dưới niêm mạc hình núm, chiều dài làm việc 1650 - 2300mm		cái	50
177	Dao cắt đốt dưới niêm mạc hình tam giác		cái	50
178	Lưỡi dao cắt tiêu bản		cái	2.000
179	Lưỡi dao mổ sử dụng một lần		cái	40.000
180	Stent động mạch vành phủ thuốc các loại, các cỡ		cái	100
181	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus chứa polymer tự tiêu sinh học		cái	10
182	Stent động mạch ngoại vi (đùi) tự bung tương thích dây dẫn 0.035"		cái	10
183	Stent động mạch ngoại vi (chủ, chậu) tự bung tương thích dây dẫn 0.035"		cái	10

184	Stent động mạch cảnh tự bụng làm bằng nitinol nhớ hình	cái	10
185	Bộ dây stent nhựa đường mật	cái	20
186	Stent nhựa đường mật các cỡ	cái	200
187	Stent kim loại đường mật bằng Platinol các cỡ, không có cover	cái	20
188	Stent kim loại đường mật bằng Nitinol các cỡ	cái	20
189	Stent kim loại thực quản, ống mật các cỡ	cái	10
190	Thẻ thủy tinh nhân tạo 1	cái	20
191	Thẻ thủy tinh nhân tạo 2	cái	200
192	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng, loại thẳng, các cỡ, chất liệu PEEK	cái	50
193	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng, loại cong, các cỡ, chất liệu PEEK	cái	50
194	Gân nhân tạo các loại, các cỡ	cái	50
195	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, Metal on Pe chuỗi phủ Plasma	bộ	60
196	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic on Pe chuỗi phủ Plasma	bộ	10
197	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic on Ceramic, chuỗi phủ Plasma	bộ	10
198	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, loại hai trục linh động	bộ	10
199	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, Metal on Pe chuỗi phủ toàn phần HA	bộ	60
200	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic on Pe chuỗi phủ toàn phần HA	bộ	10
201	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic on Ceramic chuỗi phủ toàn phần HA	bộ	10
202	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on PE, bảo tồn bao cơ, bao khớp, dùng trong phẫu thuật ít xâm lấn	bộ	15
203	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, Metal on PE có lót vitamin E	bộ	20

204	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic on PE có lót vitamin E	bộ	10
205	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi phủ Plasma.	bộ	60
206	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi phủ HA.	bộ	60
207	Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài	bộ	30
208	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng.	bộ	20
209	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng bảo tồn xương	bộ	20
210	Bộ Khớp gối toàn phần có xi măng, lót đệm vitamin E	bộ	10
211	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng bảo tồn xương, giống trực động học	bộ	5
212	Tay dao cắt đục sụn	cái	20
213	Đai titan dùng trong phẫu thuật thay khớp háng	cái	100
214	Bộ Khớp vai bán phần có xi măng	bộ	10
215	Bộ Khớp vai toàn phần không xi măng	bộ	10
216	Sụn nhân tạo 5x5cm	cái	20
217	Sụn nhân tạo 2x2cm	cái	20
218	Xương nhân tạo các loại, các cỡ trong chấn thương chỉnh hình	miếng	50
219	Chất nền ngâm kháng sinh, dùng trong chấn thương chỉnh hình	hộp	50
220	Bộ dụng cụ lấy huyết khối động mạch vành	bộ	20
221	Ông thông hút huyết khối công nghệ full-wall, đoạn đầu phủ lớp ái nước	bộ	100
222	Ông hút huyết khối mạch não đường kính trong lớn các cỡ	cái	10
223	Vi ông thông hút huyết khối mạch não đường kính trong nhỏ	cái	5
224	Bộ mở đường vào động mạch đùi, các cỡ	bộ	200
225	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay dài 7-23 cm, có phủ lớp ái nước; guidewire 0.018" - 0.025"	bộ	100
226	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu các loại, các cỡ động mạch quay dài 7-23 cm, có phủ lớp ái nước; guidewire 0.018" - 0.025"		
227	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản gồm tay quay và 6 vòng thắt	bộ	100
228	Bộ bơm bóng có khóa chữ Y, áp lực 25 - 30atm	bộ	5

229	Bóng nong động mạch vành loại áp lực thường 6atm, các cỡ	cái	20
230	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao 12atm, các cỡ	cái	20
231	Bóng nong đường mật	cái	50
232	Bóng nong mạch bán đàn hồi	cái	20
233	Bóng chèn hỗ trợ rút Microcatheter trong can thiệp động mạch vành	cái	20
234	Dây nối áp lực cao, chất liệu nhựa PUR	cái	100
235	Dây nối áp lực cao, chất liệu PU	cái	100
236	Dây đo áp lực	cái	100
237	Dây dẫn đường dài 260cm	cái	200
238	Dây dẫn đường cho bóng và stent dùng can thiệp mạch vành	cái	100
239	Dây dẫn chân đoán 150cm	cái	200
240	Dây dẫn đường ái nước	cái	100
241	Dây dẫn can thiệp mạch thần kinh	cái	5
242	Dây dẫn hướng mật tụy, Nitinol $\phi 0.035"$ x 450cm, phủ Hydrophilic	cái	100
243	Dây dẫn hướng can thiệp đường mật	cái	100
244	Dụng cụ bảo vệ mạch trong can thiệp động mạch vành, động mạch cảnh và ngoại biên	cái	50
245	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số, cho phép chụp MRI toàn thân, chuyển chế độ MRI bằng thiết kế cầm tay nhỏ gọn, có nhận cảm tự động	bộ	10
246	Hạt nhựa nút mạch PVA	lọ	10
247	Hạt nút mạch vi cầu tải thuốc, chất liệu PEG	ống	50
248	Hạt nút mạch vi cầu tải thuốc, các hạt Hydrogel được tạo từ cồn Polyvinyl	lọ	50
249	Bóng kéo sỏi đường mật	cái	30
250	Film XQ KTS 20x25cm (phù hợp với máy in Fuji)	tờ	20.000
251	Film XQ KTS 25x30cm (phù hợp với máy in Fuji)	tờ	100.000
252	Film XQ KTS 25x30cm (phù hợp với máy in Carestream)	tờ	40.000
253	Film XQ KTS 25x30cm (phù hợp với máy in Trimax)	tờ	120.000
254	Film XQ KTS 35x43cm (phù hợp với máy in Fuji)	tờ	100.000

255	Film XQ KTS 35x43cm (phù hợp với máy in Carestream)	tờ	50.000
256	Film XQ KTS 35x43cm (phù hợp với máy in Trimax)	tờ	50.000
257	Quả lọc máu tách huyết tương kèm hệ thống dây dẫn sử dụng cho máy lọc máu liên tục (phù hợp với máy Diapact)	bộ	50
258	Dây dẫn máu sử dụng cho lọc máu liên tục (phù hợp với máy Diapact)	bộ	50
259	Quả lọc thận nhân tạo cấp cứu	quả	30
260	Bộ quả lọc và dây máu để điều trị lọc máu liên tục, diện tích màng 1,4m ² (phù hợp với máy MultiFiltrate)	bộ	50
261	Bộ quả lọc và dây máu để điều trị lọc máu liên tục, diện tích màng 0,6m ² (phù hợp với máy MultiFiltrate)	bộ	50
262	Quả lọc hấp phụ máu các loại 130	quả	2.400
263	Dây nối quả hấp phụ máu và quả lọc	cái	2.700
264	Quả lọc hấp phụ máu 230	quả	50
265	Quả lọc hấp phụ máu 330	quả	50
266	Quả lọc hấp phụ máu 330-II	quả	50
267	Quả lọc hấp phụ máu các loại 280	quả	50
268	Quả lọc hấp phụ Bilirubin	quả	50
269	Quả lọc thận nhân tạo, hệ số KUF 18	quả	9.500
270	Quả lọc thận nhân tạo, hệ số KUF 67 (phù hợp với kỹ thuật chạy TNT HDF Online)	quả	50
271	Quả lọc nước và dịch siêu sạch (phù hợp với Máy chạy TNT HDF online NCU18)	quả	50
272	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật Phaco	ống	200
273	Thuốc nhuộm bao	lọ	200
274	Miếng cảm máu mũi 80mm	cái	1.000
275	Bộ mở thông dạ dày nội soi qua da	cái	20

276	Thông lòng cắt polyp, hình oval, dài 2300mm, sử dụng 1 lần	cái	100
277	Rọ lấy sỏi đường mật	cái	50
278	Rọ lấy sỏi đường mật 4 dây xoắn	cái	50
279	Rọ lấy sỏi đường mật 8 dây xoắn	cái	50
280	Điện cực (lưỡi dao) hình vòng cắt u xơ tiền liệt tuyến, loại đơn cực	cái	50
281	Điện cực <u>hình cầu</u> cầm máu trong cắt u xơ tiền liệt tuyến, loại đơn cực	cái	50
282	Rọ lấy sỏi niệu quản	cái	100
283	7.6 Chẩn thương, chỉnh hình		
284	Bộ dụng cụ đồ xi măng không bóng tạo hình thân đốt sống	bộ	30
285	Bộ dụng cụ đồ xi măng cột sống loại có bóng	bộ	10
286	Đinh Kirschner hai đầu nhọn	cái	1.000
287	Đinh Steimann	cái	100
288	Ống sáo (bộ 2 cái)	bộ	50
289	Cọc ép ngoài vị	bộ	50
290	Mũi khoan xương cho vít mini/maxi	cái	20
291	Cán tô vít/ Mũi tô vít	cái	20
292	Vít neo 2 hàm	cái	200
293	Vít xương xỏp đường kính 4.0 mm Titanium	cái	700
294	Vít xương xỏp đường kính 6.5mm Titanium	cái	500
295	Bộ băng áo giấy phẫu thuật	cái	500
296	Bộ đinh nội tủy xương chày	bộ	200
297	Bộ nẹp khóa xương gót	bộ	50
298	Bộ nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	bộ	100
299	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay	bộ	100
300	Bộ nẹp khóa xương đòn	bộ	200
301	Bộ đinh Gamma	bộ	100
302	Bộ nẹp khóa xương bản nhỏ	bộ	50
303	Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày	bộ	100
304	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương chày	bộ	100

305	Bộ nếp vít cột sống thắt lưng loại 6 vít	bộ	50
306	Bộ vật tư đỉnh nội tủy xương đùi	bộ	100
307	Bộ vật tư đỉnh nội tủy xương chày	bộ	200
308	Bộ nếp khoá nén ép bán hẹp các cỡ	bộ	200
309	Bộ nếp khoá nén ép bán rộng các cỡ	bộ	200
310	Bộ nếp khoá nén ép đầu dưới xương đùi các cỡ	bộ	200
311	Bộ nếp vít cột sống thắt lưng loại 4 vít	bộ	50
312	Bộ nếp bán nhỏ các cỡ	bộ	200
313	Bộ nếp khoá móm khuỷu	bộ	50
314	Bộ nếp đầu dưới xương quay	bộ	100
315	Bộ nếp bán hẹp các cỡ	bộ	100
316	Bộ nếp bán rộng các cỡ	bộ	100
317	Bộ nếp khoá lòng máng các cỡ	bộ	200
318	Bộ nếp mắt xích các cỡ	bộ	200
319	Bộ nếp chữ T các cỡ	bộ	100
320	Nếp chữ L trái / phải các cỡ	bộ	100
321	Bộ nếp khoá mini các loại	bộ	100
322	Bộ nếp mặt thẳng 4 lỗ , bắc cầu ngắn	bộ	100
323	Bộ nếp mặt thẳng 6 lỗ bắc cầu dài	bộ	100
324	Bộ nếp mặt thẳng 6 lỗ	bộ	200
325	Bộ nếp mặt thẳng 8 lỗ	bộ	100
326	Bộ nếp mặt thẳng 16 lỗ	bộ	50
327	Bộ nếp hàm dưới 4 lỗ	bộ	10
328	Bộ nếp hàm dưới 6 lỗ	bộ	10
329	Bộ nếp hàm dưới 8 lỗ	bộ	10
330	Bộ nội soi tái tạo dây chằng chéo loại 1	bộ	200
331	Bộ nội soi tái tạo dây chằng chéo loại 2	bộ	200
332	Bộ nội soi tái tạo dây chằng chéo loại 3	bộ	100
333	Bộ nội soi cắt lọc khớp gối loại 1	bộ	70
334	Bộ nội soi cắt lọc khớp gối loại 2		70

335	Bộ nội soi cắt lọc khớp vai loại 1	bộ	50
336	Bộ nội soi cắt lọc khớp vai loại 2		50
337	Bộ nội soi khớp vai - khâu khớp xoay	bộ	100
338	Bộ nội soi khớp vai - khâu sụn viền	bộ	100
339	Bộ dụng cụ đồ xi măng không bóng tạo hình thân đốt sống, loại kim cong đi một bên	bộ	50
340	Bộ dụng cụ đồ xi măng có bóng tạo hình thân đốt sống, loại kim cong đi một bên	cái	10
341	Chi thép dùng trong phẫu thuật 3.0, 4.0	cuộn	50
342	Túi camera vô trùng	Cái	50.000
343	Kim đốt sóng cao tần điều trị u tuyến giáp, u vú	hộp	50
344	Đầu côn vàng	Cái	50.000
345	Đầu côn xanh	Cái	50.000
346	Cảm biến đo huyết áp động mạch	Cái	50
347	Cáp kết nối bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn	Cái	50
348	Đè lưỡi gỗ	Cái	40.000
349	Điện cực tìm	Cái	50.000
350	điện cực tạm thời	Cái	10
351	Kim sinh thiết da dày	Cái	10
352	Kim sinh thiết đại tràng	Cái	10
353	Clip cầm máu	Cái	150
354	Clip kẹp mạch máu polymer các cỡ	Cái	150
355	Clip mạch máu titanium 1	Cái	300
356	Clip cầm máu nội soi	Cái	300
357	Kẹp cầm máu	Cái	20
358	Mask thanh quản dùng một lần các số	Cái	100
359	Mặt nạ thở oxy 1	Cái	1.000
360	Mặt nạ thở oxy bộ khí dung	Cái	500
361	Mặt nạ thở oxy 2	Cái	1.000
362	Mũi khoan xương các cỡ	Cái	50
363	Bộ phin lọc khí loại ba chức năng, dùng cho người lớn	Cái	2.000

364	Bộ gây tê ngoài màng cứng	Cái	300
365	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (Acid)	Can 10L	22.500
366	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (Bicarbonat)	Can 10L	27.600
367	Oxy lỏng y tế	Kg	50.000
368	Khí oxy y tế, loại 10L	Chai 10L	200
369	Khí oxy y tế, loại 40L	Chai 40L	500
370	Khí CO2 y tế	Chai	300
371	Băng keo thun co giãn	Cuộn	200
372	Sâu thờ dùng 1 lần	Cái	500
373	Cây đặt nội khí quản khó các cỡ	Cái	10
374	Cây thông nòng đặt nội khí quản các cỡ	Cái	20
375	Máy đo huyết áp bắp tay	Cái	50
376	Bao huyết áp người lớn máy Monitor	Cái	50
377	Cảm biến spo2 dùng cho monitor theo dõi bệnh nhân	Cái	50
378	Bộ khăn mổ thận lấy sỏi qua da	Bộ	200
379	Bộ vật tư dây đủ làm tán sỏi thận qua da bao gồm: Bộ nong thận 5 que, que nong thận kèm vỏ 18Fr, Kim chọc dò, Guide wire cứng đầu cong J 80cm, Dẫn lưu.	Bộ	300
380	Dây dẫn tia laser, đường kính 550 µm	Cái	20
381	Dây dẫn tia laser, đường kính 800 µm	Cái	20
382	Dây dẫn tia laser, loại sử dụng ≥ 10 lần	Cái	20
383	Kính lọc tia laser	Cái	20
384	Đầu gắn ống soi	Cái	100
385	Bộ toan trải bàn can thiệp	cái	400
386	Áo thủ thuật	Cái	1000
387	Casset đúc bệnh phẩm	Cái	10000
388	Gel bôi trơn	Tuýp	1000
389	Gel điện tim	Lọ	300
390	Gel siêu âm	Can	500
391	Giấy in ảnh siêu âm	Cuộn	200

392	Giấy điện tim	Tập	4000
393	Khăn mặt	Cái	5000
394	Khẩu trang y tế 3,4 lớp	Cái	120000
395	Lam kính đầu nhám	Cái	50000
396	Lamen 22x22	Cái	20000
397	Mỏ vít nhựa	Cái	500
398	Mũ giấy tiệt trùng	Cái	200000
399	Ống đo chức năng hô hấp	Cái	3000
400	Tay dao mổ điện	Cái	10000
401	Tấm trải 100cm x 130cm vô trùng	Cái	30000
402	Thẻ mẫu để làm xét nghiệm H. Pylori	Bộ	10000
403	Áo giấy	Bộ	200
404	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp, kích thước 20cm x 100m	Cuộn	50
405	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp, kích thước 35cm x 100m	Cuộn	50
406	Vòng đeo tay bệnh nhân	Cái	40000
407	Hóa chất H2O2 dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp	Cốc	50
408	Dầu Parafin	Chai	100
409	Parafin hạt	Kg	1000
410	Muối tinh thiết	Kg	5000
411	Ngáng miệng	Cái	10
412	Nắp chụp đầu dây soi	Cái	10
413	Bộ dây thử dùng cho máy HFNC	Bộ	30
414	Túi dịch thải cho lọc máu	Túi	200
415	Ống soi mềm tiệt niệu	Cái	10
416	Giã đỡ ống soi mềm	Cái	10
417	Giấy lau siêu âm	Kg	5000
418	Bìa bệnh án các loại	chiếc	500000
419	Bao đựng film các cỡ	chiếc	500000
420	Casset mổ phaco	chiếc	50
421	Giấy in A4	gram	2500

422	Giấy in A5		gram	1200
423	Cidex		lít	200
424	Dây đo SPO2		cái	100
425	Bộ cáp điện tim		cái	10
426	Gọng kính các loại		chiếc	1000
427	Mắt kính các loại		chiếc	1000
428	Hộp đựng kính		chiếc	1000
429	Túi đựng dịch xạ		cái	150
430	Bộ kết nối máy thăm phân phức mạc tự động		cái	180
431	Đầu nối cho ống thông lọc màng bụng		cái	50
432	Bộ chuyển tiếp		cái	150
433	Nắp đóng bộ chuyển tiếp		cái	74160
434	Kẹp cathete(PD)		cái	100
435	Kẹp thay dịch		cái	100
436	Cathete màng bụng		cái	50
437	Bộ kit cathete dịch màng bụng		bộ	50
438	Chất làm đầy mô		lọ	2000
439	Tấm điện cực		cái	500
440	Manifolds các loại			

Phụ lục II

DANH MỤC HÓA CHẤT, SINH PHẨM Y TẾ NĂM 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 3444 /BV-TB ngày 17/6/2025 của Bệnh viện Quân y 110)

Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhóm KT	Giá chào	Giá kê khai	Giá trúng thầu gần nhất, số QĐ ngày tháng, cơ sở y tế
1. HÓA CHẤT MÁY KHÍ MÁU							
2. HÓA CHẤT MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA AU680							
3. HÓA CHẤT MÁY XÉT NGHIỆM MIỀN DỊCH COBAS E 601							
4. HÓA CHẤT MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA COBAS C 501							
5. HÓA CHẤT MÁY NƯỚC TIỂU VÀ SOI CẶN LẮNG							
6. MÁY XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC AUTO STARDIFF 5							
7. MÁY XÉT NGHIỆM NƯỚC TIỂU AUTO 100							
8. HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY PHÂN TÍCH ĐỒNG MÁU CA660							
9. HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC SYSMEX XP100							
10. HÓA CHẤT MÁY PHÂN TÍCH HUYẾT HỌC TỰ ĐỘNG CELL DEF 3+							
11. HÓA CHẤT MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG BIOLIS 501							
12. HÓA CHẤT CHO MÁY ĐỊNH DẠNG NHÓM MÁU VÀ SÁNG LỌC KHÁNG THỂ TỰ ĐỘNG IH-500							
13. SINH PHẨM Y TẾ							
14. HÓA CHẤT VI SINH							
15. HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM REALTIME PCR							

16. HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC SYSMEX XP1000									
17. HÓA CHẤT GIẢI PHẪU BỆNH									
18. CÁC LOẠI TES NHANH									
19. HÓA CHẤT KHÁC									